

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 06/7/2018  
V/v tranh chấp: hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ – TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Phúc Định**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Vũ Thị Xuyên** và bà **Đặng Thị Vui**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Thị Mai Hương** - là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Ông **Đỗ Mạnh Hoàng** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Phạm Thị H**, sinh năm: 1993; nơi ĐKHKTT: tổ 33, khu 9, phường QT, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở hiện nay: số nhà 23 Hòa Bình 2, phường TM, quận KA, thành phố Hải Phòng, có mặt.

2. *Bị đơn:* anh **Trần Tự C**, sinh năm: 1989; địa chỉ: tổ 33, khu 9, phường QT, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/3/2018, bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị H và anh Trần Tự C kết hôn với nhau vào ngày 08 tháng 12 năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường QT, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình vợ chồng chung sống được một thời gian hạnh phúc thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H trình bày là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, anh C thường xuyên đi chơi đêm, không quan tâm chăm sóc gia đình dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau khiến cuộc sống chung

không được hạnh phúc. Mặc dù đã được hai bên gia đình và tổ khu phố động viên hòa giải và bản thân chị H đã có nhiều biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh C để sớm ổn định cuộc sống.

*Về con chung:* chị H và anh C có 02 con chung là Trần Hưng T, sinh ngày 01/11/2010 và Trần Thị Quỳnh A, sinh ngày 03/5/2013, khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

*Về tài sản chung:* không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, anh C đều nhận được thông báo thụ lý và các giấy triệu tập của Tòa án nhưng không đến Trụ sở Tòa án để làm việc.

Tại biên bản xác minh ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tại gia đình chị H, anh C cùng đại diện chính quyền khu 9, phường QT, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh, được biết: nội dung về quá trình kết hôn, chung sống giữa chị H và anh C như đã nêu trên là đúng sự thật. Trong thời gian chung sống tại địa phương, chị H và anh C thường xuyên xảy ra cãi vã do tính cách vợ chồng không hợp nhau, tổ khu phố đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Đến năm 2015 anh C đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà, từ đó mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng. Bà Nguyễn Thị H (là mẹ đẻ của anh C) cho biết, do anh C không sắp xếp thời gian để đến Tòa án giải quyết vụ án nên quan điểm của anh C về việc giải quyết ly hôn như sau:

*Về quan hệ hôn nhân:* Do tính cách vợ chồng không hợp nhau, thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên anh C đồng ý ly hôn chị H.

*Về con chung:* Nếu ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

*Về tài sản chung:* không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử;

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị H.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng vào phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### [1] Về thủ tục tố tụng:

Việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa các đương sự có nơi cư trú tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trần Tự C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn đảm bảo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

### [2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị H và anh Trần Tự C kết hôn hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường QT, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống hai vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau. Tòa án đã triệu tập và ra thông báo hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành do anh C không đến Trụ sở Tòa án để làm việc. Hội đồng xét xử xét thấy: quan hệ hôn nhân có được là do xuất phát từ tình cảm, sự tự nguyện của hai bên trên cơ sở tôn trọng, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên trong thời gian chung sống chị H và anh C đã xảy ra nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, hiện nay anh C đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà nên ít có cơ hội giải quyết mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2015 đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa, thực tế đời sống vợ chồng không tồn tại, mục đích nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, do đó có căn cứ để chấp nhận.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chị H và anh C có với nhau 02 con chung là Trần Hưng T, sinh ngày 01/11/2010 và Trần Thị Quỳnh A, sinh ngày 03/5/2013. Khi ly hôn cả hai đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: hiện tại anh C đi làm xa, không có điều kiện để chăm sóc các con, chị H hiện tại đang làm nghề cắt tóc, mở cửa hàng tại gia đình, thu nhập khoảng 6.000.000-7.000.000đ/tháng, mặt khác tại biên bản lấy lời khai ngày 23/3/2018 cháu Trần Hưng T cho biết nguyện vọng của cháu muốn được ở với mẹ, do đó yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung

của chị H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận. Về cấp dưỡng: chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị H.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trần Tự C.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Trần Hưng T, sinh ngày 01/11/2010 và Trần Thị Quỳnh A, sinh ngày 03/5/2013 kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng: Anh Trần Tự C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh C vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp, anh C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh C.

Sau khi ly hôn, các bên vẫn có quyền thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc trường hợp bên nào không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000301 ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh; Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- *Đương sự;*
- *VKSND TP. Uông Bí;*
- *Chi cục THADS TP. Uông Bí;*
- *UBND phường QT,*  
*TP. Uông Bí; T. Quảng Ninh;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Lưu HSVÀ, VP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Phúc Định**